



Phụ lục VII

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG, GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

(Kèm theo Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mẫu số 01

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG/QUÝ.... NĂM... TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ

Stt	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị tính*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)*		
											Khu vực ...	Khu vực ...	Khu vực ...
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]

Ghi chú:

- Tải tệp dữ liệu điện tử mẫu (định dạng Microsoft Excel) từ địa chỉ:
<https://dmdgxd.cemia.gov.vn>, mục “Hồ sơ tài liệu” để nhập dữ liệu công bố giá
và chuyển đổi vào Hệ thống thông tin, dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây
dựng và chỉ số giá xây dựng;

- Những mục có dấu (*) là bắt buộc;

- [2] Nhóm vật liệu: danh sách nhóm đã quy định tại tệp dữ liệu điện tử
mẫu;

- [5] Tiêu chuẩn kỹ thuật: ghi tiêu chuẩn sản xuất (tiêu chuẩn Việt Nam
hoặc tiêu chuẩn cơ sở hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng tại Việt Nam (nếu
có)), nếu không có thông tin thì ghi “không có thông tin”;

- [6] Quy cách: tính năng kỹ thuật, kích cỡ, màu sắc, chủng loại, kiểu cỡ...;

- [7] Nhà sản xuất: tên đơn vị sản xuất;

- [8] Xuất xứ: ghi tên nước sản xuất (nếu có);

- [9] Điều kiện thương mại: khối lượng cung cấp, điều kiện giao hàng...;

- [10] Vận chuyển: ghi thông tin về vận chuyển như: giao trên phương tiện
bên mua; bán kính...km... (nếu không có thì ghi “không có thông tin”);

-[12] [13] [14] Khu vực:

- + “Khu vực...” là tên một hoặc một nhóm đơn vị hành chính;
- + Việc phân chia khu vực để công bố giá vật liệu xây dựng theo đặc điểm của địa phương;
- + Vật liệu có giá bán tại nơi sản xuất/cung cấp thì cột “khu vực” ghi tên đơn vị hành chính của nơi bán, đồng thời tại mục ghi chú ghi “Giá tại nơi bán”.